

# TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ CÔNG TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

## IMPACT OF PUBLIC INVESTMENT ON THE ECONOMIC GROWTH OF QUANG NGAI

Nguyễn Việt Vy

Huyện ủy Lý Sơn; vietvynguyen@gmail.com

**Tóm tắt** - Đầu tư nói chung và đầu tư công nói riêng có vai trò và tác động rất lớn tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi. Nghiên cứu này phân tích vai trò của GDP, đầu tư, đầu tư công và các nguồn lực khác trong tăng trưởng của tỉnh Quảng Ngãi bằng phương pháp phân tích thống kê. Kết quả đã cho thấy đầu tư công có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh với mức độ không lớn và cũng không lấn át các yếu tố nguồn lực khác trong quá trình này. Từ đây nghiên cứu cũng kiến nghị một số hàm ý chính sách góp phần sử dụng có hiệu quả đầu tư công trong thời gian tới cho địa phương.

**Từ khóa** - tăng trưởng kinh tế; đầu tư công; đầu tư tư nhân; phân bổ và sử dụng vốn đầu tư; tác động của đầu tư.

**Abstract** - Investment in general and public investment in particular has a great impact on the economic growth of the province of Quang Ngai. This study analyses the role of GDP, investment, public investment and other resources in the growth of the province of Quang Ngai by means of statistical analysis. Results show that public investment has a positive impact on the economic growth of the province and the capital source of the city is not large and does not overwhelm the other resource elements in this process. This study also suggests some policy implications contributing to the effective use of public investment for the locality in the coming time.

**Key words** - economic growth; public investment; private investment; allocation and use of investment capital; the impact of investment.

### 1. Đặt vấn đề

Lý thuyết kinh tế học và các bằng chứng thực tế ở nhiều quốc gia đã khẳng định tác động tích cực của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế qua kênh đầu tư. Một nghiên cứu về chủ đề này cho trường hợp một nền kinh tế gắn với một tỉnh nếu được giải quyết sẽ là sự kiểm chứng những kết quả cho nghiên cứu này. Những năm qua, cũng như nền kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP của Quảng Ngãi cũng dựa khá nhiều vào đầu tư, đặc biệt là đầu tư công. Nhưng mức độ tác động thế nào và liệu nguồn lực này có ảnh hưởng lấn át các nguồn khác, đặc biệt là đầu tư tư nhân hay không đang là câu hỏi lớn. Câu trả lời sẽ có ý nghĩa lớn nhằm điều chỉnh cách thức sử dụng đầu tư công trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Đây là lý do của nghiên cứu này.

### 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu về tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế qua kênh đầu tư

#### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Đầu tư nói chung và đầu tư công nói riêng là yếu tố nguồn lực ảnh hưởng quyết định đến tăng trưởng kinh tế của mọi nền kinh tế. Cơ sở lý thuyết về chủ đề này có nền tảng là Lý thuyết về tăng trưởng cổ điển, tân cổ điển và tăng trưởng nội sinh. Các lý thuyết này không chỉ thể hiện mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng kinh tế mà còn chỉ ra cách thức đầu tư tác động tới tăng trưởng. Theo đó, sản lượng của nền kinh tế được mô phỏng là một hàm của đầu tư nói chung và đầu tư công nói riêng, đầu tư quyết định mức sản lượng.

Đây là nền tảng lý thuyết mà nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện ở nhiều nơi với các bối cảnh khác nhau và cho ra các kết quả khác nhau. Nhóm nghiên cứu cho kết quả tác động của đầu tư công là tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế như của Ebert [2], Barro [1], David Alan Aschauer [3], Sala-i Martin và Artadi [4], Pooloo Zainah [5], Md, Mahi Uddin and Md, Shawkatul

Islam Aziz [6], Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và Lê Hoàng Phong [10]. Nhóm nghiên cứu cho kết quả tác động tiêu cực như Devarajan et al, [7], Ghali [8], Meliha ENER [9].

Những nghiên cứu này thường chỉ nghiên cứu trên phạm vi liên quốc gia hay quốc gia nhưng đều là với một nền kinh tế. Vì thế, về cơ bản khung lý thuyết cho nghiên cứu là cơ sở hình thành phương pháp nghiên cứu dưới đây.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**2.2.1. Phương pháp phân tích:** Nghiên cứu kết hợp phân tích định tính và định lượng.

Phân tích định tính bao gồm (i) Phương pháp kế thừa sẽ tổng hợp kết quả các nghiên cứu cùng chủ đề và xem xét các điều kiện để có thể vận dụng vào phân tích nghiên cứu. Điều này cho phép khắc phục những khiếm khuyết và tiết kiệm thời gian nghiên cứu. (ii) Phương pháp diễn dịch trong suy luận: Tức là nghiên cứu tiến hành xem xét tình hình đầu tư, đầu tư công từ khái quát đến cụ thể để làm cơ sở cho phân tích định lượng sau này.

Phương pháp định lượng bao gồm: (i) thống kê mô tả, tức tiến hành xem xét số liệu thống kê về xu hướng tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế. Từ đó, sẽ có thể đánh giá bước đầu về chiều hướng tác động của chúng. (ii) Mô hình kinh tế lượng được sử dụng để ước lượng tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế. Từ cơ sở lý thuyết trên nghiên cứu đã xây dựng cho mình phương pháp phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế. Sử dụng các biến thể của mô hình tăng trưởng tân cổ điển dưới dạng logarit, hay phần trăm tăng trưởng để phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế như nghiên cứu đã tổng quan trên đây. Số liệu được sử dụng là số liệu chuỗi thời gian của quốc gia hay cũng có thể sử dụng số liệu các tỉnh của quốc gia để hình thành dữ liệu mảng cho nghiên cứu. Với đặc thù về phạm vi nghiên cứu chỉ là nền kinh tế của một tỉnh và nguồn số liệu có thể thu thập được ở tỉnh, nghiên cứu này có thể vận dụng dạng biến thể của mô hình tăng trưởng tân cổ điển dưới dạng phần trăm tăng

trường để phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế với số liệu vĩ mô – phương trình (1).

$$gy_{it} = \beta_0 + \beta_1 gKg_{it} + \beta_2 gKp_{it} + \beta_3 gL_{it} + \beta_4 gH_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Ở đây  $gy_{it}$  là tỷ lệ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành  $i$  năm  $t$ , được tính bằng phần trăm so sánh giữa quy mô giá tăng của ngành  $i$  năm sau với năm trước.

$gKg_{it}$  là tỷ lệ tăng trưởng vốn đầu tư công của ngành  $i$  năm  $t$ , được tính bằng phần trăm so sánh giữa quy mô đầu tư công của ngành  $i$  năm sau với năm trước.

$gKp_{it}$  là tỷ lệ tăng trưởng vốn đầu tư tư nhân của ngành  $i$  năm  $t$ , được tính bằng phần trăm so sánh giữa quy mô đầu tư tư nhân của ngành  $i$  năm sau với năm trước.

$gL_{it}$  là tỷ lệ tăng trưởng số lượng lao động của ngành  $i$  năm  $t$ , được tính bằng phần trăm so sánh giữa quy mô lao động của ngành  $i$  năm sau với năm trước.

$gH_{it}$  là tỷ lệ lao động qua đào tạo của ngành  $i$  năm  $t$ .

### 2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

Dữ liệu cho phân tích vĩ mô chủ yếu tổng hợp và xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê tỉnh Quảng Ngãi và số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cụ thể như dưới đây:

GDP – giá trị tổng sản phẩm trong nước tính theo giá năm 2010 và đơn vị là tỷ đồng.

VA – giá trị gia tăng hay GDP của các ngành như Nông lâm thủy sản, Công nghiệp – Xây dựng và Dịch vụ. Chỉ tiêu này được tính bằng tỷ đồng và theo giá năm 2010.

Đầu tư công – là giá trị tổng đầu tư từ ngân sách nhà nước ở tỉnh chung và cho từng ngành. Chỉ tiêu này được tính bằng tỷ đồng và theo giá năm 2010.

Đầu tư tư nhân – là giá trị tổng đầu tư của khu vực tư nhân ở tỉnh chung và trong từng ngành. Chỉ tiêu này được tính bằng tỷ đồng và theo giá năm 2010.

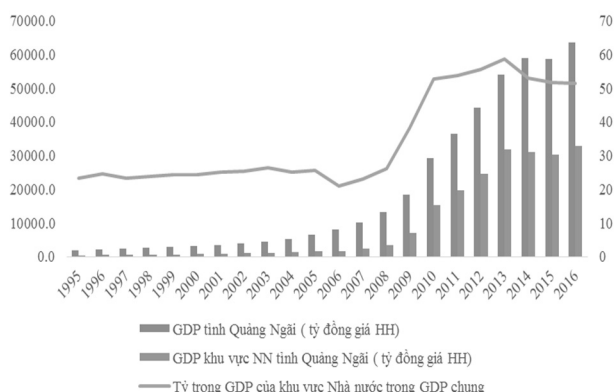
Lao động – là số lượng lao động làm việc trong các ngành kinh tế, được tính bằng số người.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo là tỷ lệ số người được đào tạo từ ngắn hạn trở lên và có bằng cấp nhất định so với số lao động đang làm việc trong ngành đó. Tiêu chuẩn lao động qua đào tạo sẽ theo tiêu chuẩn của Tổng cục Thống kê Việt Nam.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Đóng góp của đầu tư công với tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi

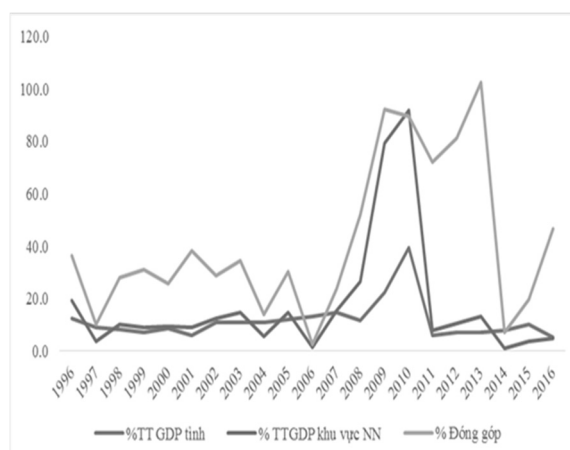
Trong suốt hơn 20 năm qua, nền kinh tế của Quảng Ngãi đã có sự tăng trưởng liên tục. Giai đoạn 1995-1998, tỷ lệ tăng trưởng trung bình là hơn 10%. Năm 2009 và 2010, tăng trưởng tới 22% và 2010 là 39% và giai đoạn sau 2011 - 2016 tăng trưởng là hơn 7%. Theo giá 2010, quy mô GDP từ mức 4.750 tỷ đồng, hơn 17 ngàn tỷ năm 2008, hơn 29 ngàn tỷ năm 2010, và là hơn 44 ngàn tỷ năm 2016. Như vậy, quy mô kinh tế của tỉnh đã mở rộng rõ nét và cho phép cải thiện tình hình kinh tế xã hội của tỉnh.



**Hình 1.** Tỷ trọng GDP của khu vực nhà nước trong GDP chung của tỉnh Quảng Ngãi

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi và Báo cáo KT-XH của UBND tỉnh)

Sự thành công trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh được đóng góp rất lớn từ nhân tố đầu tư, trong đó đặc biệt là đầu tư công. Đầu tư công theo giá hiện hành và giá cố định những năm trước 2000 rất thấp, chỉ dưới vài trăm tỷ đồng. Trong giai đoạn 2001-2005 bắt đầu tăng dần. Đầu tư công tăng mạnh nhất từ 2006 và đạt đỉnh năm 2007 và 2008, sau đó giảm dần. Những năm sau 2010 tuy giảm nhưng quy mô vẫn khá cao. Tỷ lệ đầu tư công so với tổng đầu tư tỉnh Quảng Ngãi luôn chiếm tỷ trọng khá cao, trước 2005 luôn chiếm hơn 62%, từ 2006 tăng lên gần 76% và năm 2007 là hơn 84%, năm 2008 là hơn 78%, sau đó giảm dần và năm



**Hình 2.** Đóng góp của khu vực nhà nước vào tăng trưởng GDP chung của tỉnh Quảng Ngãi

2016 chỉ còn hơn 52%. Những diễn biến này đã kéo theo tỷ lệ đầu tư tư nhân so với đầu tư công thấp và giảm dần cho đến 2007 và tăng rõ từ năm 2010. Tuy nhiên hiệu quả đầu tư công khá thấp.

Phần này chỉ xem xét đóng góp của đầu tư công vào tăng trưởng GDP của tỉnh, thông qua tỷ trọng GDP của khu vực nhà nước so với tổng GDP của tỉnh và đóng góp vào tăng trưởng của chỉ tiêu này. Nếu xét theo mức độ đóng góp vào GDP chung thì tỷ trọng của GDP của khu vực nhà nước trong tổng GDP chung đã tăng liên tục từ năm 1995 đến nay. Nếu năm 1995 là 23%, thì năm 2000 là 24,35%,

năm 2005 là 25,6%, năm 2010 là hơn 52% và năm 2016 là hơn 51%. Như vậy khu vực công đã tạo ra ngày càng nhiều hơn GDP và đóng góp tỷ trọng ngày càng tăng.

Bây giờ, hãy xem xét mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của khu vực công qua đóng góp của khu vực nhà nước. Mức đóng góp vào tăng trưởng không đều hay rất biến thiên theo mức tăng trưởng GDP của khu vực này. Trong giai đoạn từ 1995 đến 2006 tăng trưởng GDP trung bình của khu vực công là gần 10% nên đóng góp vào tăng trưởng 25%. Giai đoạn 2007- 2016, tăng trưởng GDP trung bình khu vực nhà nước là 25,3% và mức đóng góp vào tăng

trưởng kinh tế là 58,7%.

Những số liệu này cho thấy (i) hiệu quả đầu tư công là không cao và nếu nâng cao hiệu quả nguồn đầu tư này sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (ii) gắn với sự tăng cường đầu tư công xây dựng và vận hành nhà máy lọc dầu Bình Sơn.

### 3.2. Phân tích tác động của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Ngãi

Trước hết hãy xem xét thống kê mô tả các biến trong mô hình. Số liệu như trong bảng 1.

**Bảng 1.** Thống kê mô tả các biến trong mô hình

| Tên biến  | Số quan sát | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Giá trị bé nhất | Giá trị lớn nhất |
|-----------|-------------|------------|---------------|-----------------|------------------|
| $gy_{it}$ | 63          | 9,37       | 5,16          | 0,44            | 18,67            |
| $Kg_{it}$ | 63          | 14,00      | 35,04         | -75,23          | 66,83            |
| $Kp_{it}$ | 63          | 20,06      | 26,83         | -43,75          | 82,68            |
| $gL_{it}$ | 63          | 4,60       | 9,50          | -12,98          | 28,66            |
| $gH_{it}$ | 63          | 9,49       | 4,67          | 2,21            | 21,43            |

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi và Báo cáo KT-XH của UBND tỉnh)

Bảng 1 thể hiện một số thống kê cơ bản về các biến trong mô hình. Giá trị trung bình của tốc độ tăng trưởng GDP của các ngành –  $gy_{it}$  là 9,37, giá trị nhỏ nhất là 0,44 và giá trị lớn nhất là 18,67. Thống kê cơ bản của các biến khác được sử dụng trong mô hình được thể hiện trong bảng này.

Tiếp theo chúng ta xem xét mối tương quan tuyến tính giữa biến phụ thuộc và biến độc lập. Mối quan hệ này được thể hiện trên bảng 2. Giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập có mối quan hệ tương quan với các hệ số có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, giữa các biến  $Kg_{it}$ ,  $Kp_{it}$  và  $gL_{it}$  có hệ số tương quan với nhau lớn hơn 0,3 nên có thể xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến hoặc hiện tượng tự tương quan giữa các biến này. Do đó sẽ còn phải kiểm định kỹ sau này.

Nhưng với mô hình (1) khi sử dụng số liệu chuỗi thời gian có một số vấn đề nảy sinh khi tiến hành ước lượng, đó là độ trễ của biến đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Do đó cần phải kiểm định độ trễ của các biến. Kết quả cho thấy với độ trễ bằng không và mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05 cho phép sử dụng để kiểm định.

#### Phương pháp ước lượng

Trước tiên, nghiên cứu sẽ sử dụng phương pháp phổ biến nhất là OLS hay phương pháp ước lượng OLS thô (Pooled OLS) cho dạng dữ liệu thu thập của nghiên cứu. Với phương pháp này, sẽ bỏ qua yếu tố thời gian mà chỉ là các quan sát dữ liệu thuần túy hay sử dụng số liệu chéo. Ước lượng thô là ước lượng OLS trên tập dữ liệu thu được của các đối tượng theo không gian, do vậy, khi đó xem tất cả các hệ số đều không thay đổi giữa các đối tượng khác nhau và không thay đổi theo thời gian. Đây cũng là hạn chế của phương pháp này. Tuy nhiên kết quả có tin cậy được không thì phải kiểm định. Sử dụng số liệu đã có, nghiên cứu tiến hành hồi quy theo phương pháp ước lượng theo

**Bảng 2.** Hệ số tương quan giữa các biến

|           | $gy_{it}$ | $Kg_{it}$ | $Kp_{it}$ | $gL_{it}$ | $gH_{it}$ |
|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| $gy_{it}$ | 1         |           |           |           |           |
| $Kg_{it}$ | 0,7664    | 1         |           |           |           |
| $Kp_{it}$ | 0,7055    | 0,6784    | 1         |           |           |
| $gL_{it}$ | 0,7727    | 0,5618    | 0,5985    | 1         |           |
| $gH_{it}$ | 0,3945    | 0,1873    | 0,1837    | 0,2679    | 1         |

mô hình cố định – FEM với số liệu bảng. Kết quả chạy cố định có  $F = 0,0569$  nhỏ hơn 0,05 cho thấy các ngành có hệ số chặn khác nhau, do đó Pooled OLS không phù hợp. Tiến hành kiểm định đa cộng tuyến, kết quả cho thấy các giá trị VIF gắn với các biến giải thích (biến độc lập) đều nhỏ hơn 10, cho thấy mô hình không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến. Sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn phương pháp thích hợp. Kết quả kiểm định có giá trị p-value.

Ngoài ra có một số vấn đề nảy sinh khi tiến hành ước lượng phương trình (1), đó là: (i) Khi áp dụng có thể gặp phải xem xét vấn đề phương sai thay đổi như khi sử dụng dữ liệu chéo và hiện tượng tương quan chéo trong các đơn vị cá nhân cùng thời điểm. Những hiện tượng này, sẽ làm cho kết quả kém tin cậy. (ii) Hiện tượng nội sinh của các biến giải thích khi ước lượng.

Để xử lý vấn đề này nghiên cứu sẽ thực hiện ước lượng REM và FEM; kiểm định Breusch – Pagan về sự tồn tại hiện tượng phương sai không đồng nhất với cả hai phương pháp, khi mắc hiện tượng này sẽ được sửa chữa bằng lệch robust trong phần mềm STATA; kiểm định tự tương quan (tương quan chuỗi với số liệu bảng) bằng xem xét hệ số Durbin-Watson và kiểm định Wooldridge test for autocorrelation in panel data.

Kết quả ước lượng bằng REM và FEM cho kết quả các kiểm định đều có ý nghĩa thống kê ở mức  $< 0,05$ . Nhưng với kết quả kiểm định Hausman test như trong bảng 3 gợi ý rằng sử dụng kết quả của phương pháp FEM tốt hơn.

Từ kết quả ước lượng có một số nhận xét sau: tăng trưởng đầu tư công có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Hệ số hồi quy là +0,0565001 cho biết, nếu tốc độ tăng trưởng nguồn đầu tư này tăng thêm 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng +0,0565001% với giả định các nhân tố khác không đổi. Hệ số hồi quy của biến đầu tư tư nhân là

+0,0324528 nghĩa là khi các điều kiện khác không đổi nếu tăng trưởng vốn đầu tư tư nhân tăng 1% thì tăng trưởng kinh tế sẽ tăng +0,0324528%. Hệ số hồi quy của biến  $gLi$  là +0,1852042, điều này nghĩa là, khi các điều kiện khác không đổi, nếu lao động tăng thêm 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng thêm +0,1852042%. Hệ số hồi quy của biến vốn

con người là +0,1578775, điều này hàm ý rằng, khi các điều kiện khác không đổi, nếu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của lao động tăng 1% thì tăng trưởng GDP sẽ tăng +0,1578775%. Hằng số bằng +5,582046 giải thích rằng nếu các yếu tố không thay đổi thì tăng trưởng GDP vẫn đạt 5,5%.

**Bảng 3.** Các hệ số ước lượng

|                                                           | Phương pháp ước lượng        |                                       |
|-----------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|
|                                                           | Random effects (REM)         | Fixed effects (FEM)                   |
| Biến phụ thuộc : tăng trưởng kinh tế - $gy_{it}$          |                              |                                       |
| $Kg_{it}$                                                 | +0,0581525***<br>(0,0121521) | +0,0565001***<br>(0,0123524)          |
| $Kp_{it}$                                                 | +0,0310323**<br>0,0163814    | +0,0324528**<br>(0,0158529)           |
| $gL_{it}$                                                 | +0,2200744***<br>(0,0418161) | +0,1852042<br>(0,043141)***           |
| $gH_{it}$                                                 | +0,201516**<br>(0,067152)    | +0,1578775**<br>(0,067839)            |
| Hằng số                                                   | +5,012987***<br>0,7033787    | +5,582046***<br>0,725884              |
| R - sq                                                    | 0,8018                       | 0,7999                                |
| Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test for heteroskedasticity | Điều chỉnh bằng robust       | chi2 (3) = 6,77<br>Prob>chi2 = 0,0795 |
| vif                                                       | <10                          | <10                                   |
| N                                                         | 63                           | 63                                    |
| Prob>F                                                    | 0,000                        | 0,000                                 |
| Wooldridge test for autocorrelation in panel data         | Prob > F = 0,7371            |                                       |
| Durbin-Watson                                             | 1,4374063                    |                                       |
| Hausman test                                              | Prob>chi2 = 0,0735           |                                       |

Ghi chú: trong () là độ lệch chuẩn, \*\*\*, \*\*, \* là mức ý nghĩa 1%, 5%  
(Nguồn: Xử lý từ Niên giám thống kê của tỉnh)

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Kết luận

Thứ nhất, những năm qua đầu tư công đang là nguồn đầu tư lớn nhất của tỉnh Quảng Ngãi. Đầu tư công đã tạo ra động lực tăng trưởng mang tính quyết định cho nền kinh tế. Sự lệ thuộc vào nguồn đầu tư của Trung ương gắn với phân bổ hiệu quả đầu tư công cao thể hiện tính chất không bền vững của tăng trưởng kinh tế. Trong quá trình tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi, đầu tư công đang đóng vai trò rất quan trọng và quyết định. Những thành công về kinh tế gắn liền với gia tăng nguồn đầu tư công những năm qua nhất là giai đoạn 2006-2009, Đầu tư công đang góp phần tạo ra tới hơn 50% GDP của tỉnh. Nguồn đầu tư công chủ yếu vẫn từ ngân sách trung ương chứ không phải từ nguồn của địa phương hay tích lũy từ nền kinh tế địa phương. Tuy tỷ trọng đầu tư công vẫn chiếm hơn 50% tổng đầu tư nhưng mức độ đóng góp vào tăng trưởng không cao, chỉ khoảng 25%. Đó là do đầu tư công vẫn được phân bổ còn dàn trải và hiệu quả đầu tư thấp.

Thứ hai, đầu tư công có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế qua kênh này, đồng thời không lấn át mà đang tác động bổ sung, phát huy vai trò của các nguồn lực khác. Tuy nhiên tác động chưa như mong đợi và còn dư địa để phát huy vai trò của nguồn đầu tư này. Đầu tư công tăng và tạo ra tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tác động cùng chiều với các nhân tố khác trong mô hình như đầu tư tư nhân, vốn con người và lao động. Tác động tích cực của đầu tư công không mạnh lắm, chỉ cao hơn đầu tư tư nhân nhưng nhỏ hơn so với vốn con người và lao động. Dường như đầu tư công không lấn át mà đang tạo ra tác động bổ sung với các nhân tố này, đặc biệt phát huy yếu tố lao động và vốn con người. Với lượng đầu tư khá lớn nhưng nếu mức độ tác động mạnh hơn thì tăng trưởng sẽ cao hơn. Điều này cũng phù hợp với tình hình phân bổ và hiệu quả đầu tư công không cao như phân tích ở trên.

Thứ ba, vốn đầu tư tư nhân cũng đóng vai trò quan trọng cho tăng trưởng của tỉnh những năm qua. Nguồn đầu tư này đã cộng hưởng cùng với đầu tư công tác động tích cực tới

tăng trưởng kinh tế. Nhưng tiềm năng nguồn lực này vẫn chưa được phát huy lớn nhất và đặt ra yêu cầu trong sử dụng đầu tư công trong những năm tới. Những năm qua, đầu tư tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng đầu tư, tuy có tăng vào những năm gần đây. Hệ số hồi quy của yếu tố này nhỏ nhất trong các nhân tố, hay mức độ tác động của đầu tư tư nhân nhỏ nhất trong các yếu tố khi ước lượng. Tuy có mức độ tác động như vậy nhưng không có nghĩa là đóng góp của nó vào tăng trưởng thấp. Tác động của đầu tư tư nhân có thể hiện qua việc phát huy vai trò cộng hưởng với đầu tư công trong tăng trưởng kinh tế. Nhưng đáng kể nhất vẫn là nguồn đầu tư tư nhân là nhân tố thúc đẩy phát huy vai trò tiềm năng lao động của địa phương. Trong điều kiện của nền kinh tế thiếu vốn đầu tư dẫn đến tỷ lệ vốn so với lao động rất thấp, nên khi nguồn đầu tư tư nhân nhờ môi trường đầu tư thuận lợi được tạo ra bởi đầu tư công sẽ tăng đáng kể, thể hiện thông qua việc tạo việc làm cho lao động ở khu vực tư nhân. Như vậy, nếu thực sự đầu tư công được phân bổ và sử dụng hợp lý như một nhân tố kích thích đầu tư tư nhân vào tăng trưởng kinh tế sẽ quan trọng nhất.

Thứ tư, lao động là tiềm năng lớn nhất của địa phương những năm qua. Tiềm năng lao động đã được phát huy khá tốt trong những năm qua nhờ tăng đáng kể của đầu tư công, tuy rằng vẫn chưa thể phát huy hết tiềm năng này. Nhưng kết hợp tỷ lệ vốn và lao động phù hợp với điều kiện của tỉnh vẫn là định hướng chính trong cách thức tăng trưởng kinh tế những năm tới. Quảng Ngãi là tỉnh có nguồn lao động khá lớn, tỷ lệ huy động vào nền kinh tế cao và tăng trong những năm qua. Lao động đã đóng góp đáng kể vào nền kinh tế tuy chưa như kỳ vọng. Kết quả ước lượng cho thấy hệ số hồi quy là lớn nhất so với các nhân tố trong mô hình, hay tăng trưởng lao động có tác động tích cực lớn nhất tới tăng trưởng kinh tế. Điều này cũng hàm ý rằng, nếu đầu tư công được định hướng phân bổ sử dụng để tạo ra nhiều việc làm hay tăng tỷ lệ huy động lao động vào nền kinh tế khi đó sẽ tăng trưởng kinh tế cao hơn. Do đầu tư công không lẫn át yếu tố lao động nên nguồn lực này cần được sử dụng tập trung cho mục tiêu này sẽ có ý nghĩa lớn trong tăng trưởng kinh tế những năm tới. Tuy nhiên tỷ trọng lao động và mức tăng việc làm trong khu vực công rất thấp. Tỷ lệ đầu tư công cho các ngành thâm dụng lao động là không cao.

Thứ năm, vốn con người vẫn là yếu tố quan trọng và tác động tích cực vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh những năm qua. Đầu tư công dường như là yếu tố nguồn lực bổ sung cho vốn con người trong tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Tuy rằng tỷ trọng lao động qua đào tạo nghề của tỉnh không cao so với mặt bằng của Việt Nam nhưng tác động của vốn con người tới tăng trưởng là khá lớn. Hệ số hồi quy ước lượng ở trên chỉ thấp hơn một chút so với yếu tố lao động. Điều này cũng hàm ý rằng tăng trưởng vốn con người hay nâng cao trình độ lao động trong nền kinh tế sẽ cho phép tăng trưởng kinh tế cao hơn. Nếu đầu tư công được sử dụng vào việc cải thiện vốn con người mà cụ thể là nâng cao tỷ lệ đào tạo nghề cho lao động sẽ có ý nghĩa lớn. Ngay việc cải thiện công tác đào tạo nghề cũng sẽ cho phép cải thiện tình hình tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn cao, lao động vẫn phải di cư tới các trung tâm kinh tế để tìm việc ở Quảng Ngãi.

## Hàm ý chính sách

Có một số hàm ý rút ra từ kết quả trên đây.

Thứ nhất, những năm tới đầu tư công vẫn là yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Nhưng cần phải có những thay đổi trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn đầu tư công. Trong bối cảnh Chính phủ kiểm soát đầu tư công rất chặt chẽ và hạn chế cần phải huy động nhiều hơn nguồn từ ngân sách của tỉnh. Phân bổ có trọng điểm và tập trung cho các mục tiêu quan trọng nhất và đối ứng cho các dự án kết hợp công tư, cũng như đầu tư mới cho đầu tư tư nhân. Vấn đề quyết định nhất là phải nâng cao hiệu quả đầu tư công.

Thứ hai, tiếp tục duy trì và tăng mức tác động tích cực của đầu tư công tới tăng trưởng kinh tế trong những năm tới vẫn rất cần thiết. Dự địa để thực hiện vẫn không nhỏ. Trong điều kiện khó khăn nguồn đầu tư công thì phải thực hiện tái cấu trúc đầu tư công theo hướng: Lấy mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội làm cơ sở cho tái cấu trúc đầu tư công trong giai đoạn tới, không chỉ nâng cao hiệu quả của các dự án công mà còn phải tạo ra tác động tích cực tới hiệu quả đầu tư chung của nền kinh tế; Huy động nguồn đầu tư công vẫn phải cân đối với khả năng tiết kiệm công giảm nợ công và bảo đảm quan hệ tích lũy và tiêu dùng của nền kinh tế; Hoàn thiện cơ chế phân bổ vốn một cách hiệu quả cho các vùng và tập trung vào phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật một cách có trọng điểm và các ngành then chốt, thúc đẩy nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ của nền kinh tế; Hoàn thiện chính sách đầu thầu mua sắm hàng hóa dịch vụ đầu tư công theo hướng ưu tiên dùng hàng Việt Nam để kích thích phát triển sản xuất trong nước cũng như nâng cao trình độ kỹ thuật công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời hài hoà hoá các quy trình đầu thầu với chuẩn mực quốc tế, xây dựng một hệ thống đầu thầu điện tử, thành lập một cơ quan giám sát độc lập trực thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh, có quyền lực và thẩm quyền để giám sát, thanh tra và đánh giá các dự án lớn; Tái cơ cấu đầu tư công để trở thành chất xúc tác để huy động các nguồn đầu tư khác vào nền kinh tế; Phát huy vai trò chủ động của chính quyền địa phương cấp huyện trong tạo nguồn đầu tư cho địa phương mình.

Thứ ba, đầu tư vẫn là yếu tố có vai trò quyết định trong tăng trưởng của tỉnh những năm tới. Trong điều kiện giới hạn nguồn lực đầu tư rất hạn chế, nhất là đầu tư công thì huy động nguồn đầu tư tư nhân như sự bù đắp mức giảm sút của đầu tư công là rất cần thiết. Vì vậy tái cấu trúc đầu tư công cần tập trung cho mục tiêu phát huy được tiềm năng đầu tư tư nhân và nâng cao hiệu quả của nguồn lực này. Như vậy điều đầu tiên là sử dụng đầu tư công để cải cách thể chế trong đó có hoạch định chính sách và hoàn thiện bộ máy quản lý cũng như cải cách thủ tục hành chính. Làm sao giảm các khoản chi phí gia nhập thị trường, chi phí không chính thức, chi phí giao dịch ... cho doanh nghiệp, từ đó khơi thông nguồn đầu tư trong nền kinh tế. Làm khoản đầu tư mới để dẫn dắt đầu tư tư nhân vào nền kinh tế. Đồng thời tạo điều kiện cho nguồn đầu tư này dịch chuyển, phân bổ và sử dụng có hiệu quả bằng một cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phát triển.

Thứ tư, sử dụng đầu tư công như nguồn lực để mời và huy động cao nhất có thể lao động vào nền kinh tế có ý

nghĩa kinh tế xã hội lớn nhất. Về kinh tế, điều này sẽ góp phần huy động nguồn lực lớn nhất, quý nhất của tỉnh cho tăng trưởng kinh tế. Về xã hội, lao động có việc làm là nền tảng vững chắc tạo ra thu nhập, cải thiện đời sống và giảm nghèo. Những năm tới cần phải điều chỉnh hướng đầu tư công gắn với tái cấu trúc kinh tế để phát huy tiềm năng lao động của tỉnh. Cụ thể, nguồn đầu tư công sẽ được ưu tiên để tạo việc làm hay cho các ngành thâm dụng lao động như nông nghiệp, và những ngành hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp nông thôn. Tăng đầu tư công cho hạ tầng thị trường lao động, ví dụ như áp dụng rộng hơn công nghệ thông tin cho các trung tâm dịch vụ việc làm hay các trung tâm cung cấp thông tin việc làm... Đặc biệt sử dụng nguồn đầu tư công hỗ trợ cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và giảng viên cho các cơ sở đào tạo nghề cho lao động cũng rất quan trọng.

Thứ tư, sử dụng đầu tư công để tăng vốn con người là định hướng sử dụng đầu tư công có hiệu quả nhất trong những năm tới. Các lý thuyết kinh tế và các bằng chứng thực tế đã khẳng định vai trò rất lớn của vốn con người trong tăng trưởng kinh tế. Trong điều kiện của tỉnh Quảng Ngãi, đầu tư công hỗ trợ và giúp cho vốn con người tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế. Nếu phân trên bản tới gia tăng số lượng lao động vào nền kinh tế thì ở đây bản tới định hướng sử dụng đầu tư công để nâng cao chất lượng lao động. Định hướng này về cơ bản phù hợp với định hướng tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa nhiều hơn vào các yếu tố chiều sâu. Như vậy, đầu tư công sẽ tập trung vào hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động. Nhưng không chỉ trực tiếp mà còn như đầu tư đổi ứng theo hình thức công tư trong đào tạo nghề. Đầu tư công sẽ tập trung cho hoạch định chính sách đào tạo nghề, biên soạn chương trình đào tạo nghề, nâng cao chất lượng giáo

viên đào tạo nghề, cải thiện trình độ quản lý đào tạo nghề. Đầu tư công cũng dành một phần để cấp học bổng cho những học viên thuộc khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc thiểu số.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Barro, R, (1990), "Government spending in a simple model of endogenous growth", *Journal of Political Economy* 98, 103-125.
- [2] Eberts, R, W, (1986), "Estimating the Contribution of Urban Public Infrastructure to Regional Growth", Federal Reserve Bank of Cleveland, (Working Paper No, 8610).
- [3] David Alan Aschauer (1998), "How Big Should the Public Capital Stock Be?", No 43, 1998.
- [4] Sala-i-Martin, Xavier & Artadi, Elsa V, (2003), *Economic Growth and Investment in The Arab World*, [Online] Available: <http://www.econ.columbia.edu/RePEc/pdf/DP0203-08.pdf> (July 9, 2010).
- [5] Pooloo Zainah (2009) , *The Role of Public Investment in Promoting Economic Growth: A case study of Mauritius - 2009*, Services sector Development and Impact on Poverty Thematic Working Group.
- [6] Md, Mahi Uddin and Md, Shawkatul Islam Aziz (2014), "Effect of Public Investment on Economic Growth in Bangladesh: An Econometric Analysis", *Journal of Economics and Sustainable Development*, ISSN 2222-1700 (Paper), ISSN 2222-2855 (Online) [www.iiste.org](http://www.iiste.org)
- [7] Devarajan et al (1996): "The composition of Public expenditure and economic growth", *Journal of monetary economics*, 37 (1996) 313-344.
- [8] Ghali, K, H, (1998), *Public Investment and Private Capital Formation in A Vector-Error-Correction Model of Growth*, Applied Economics, 30, 837-844.
- [9] Meliha ENER, Cüneyt KILIÇ và Feyza ARICA (2013), "The Effects of Public and Private Capital Investments on Sectoral Output: A Panel", *Approach for the Case of Turkey International Journal of Business and Social Science*, Vol, 4 No, 9; August 2013.
- [10] Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư và Lê Hoàng Phong (2014), "Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Góc nhìn thực nghiệm từ mô hình ARDL", *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, Số 19 (29) - Tháng 11-12/2014.

(BBT nhận bài: 04/04/2017, hoàn tất thủ tục phản biện: 26/04/2017)